

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP – IN – BAO BÌ
LIKSIN – TNHH MTV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Lixsin – TNHH MTV (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Trần Ngọc Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Minh Thy	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên
Ông Lê Quang Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Minh Thy	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thọ Vượng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Hương Giang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Hoàn	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *Luật*



Nguyễn Ngọc Minh Thy
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Số: 456/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 27 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



[Handwritten signature]
Bùi Minh Đức
Giám đốc kiểm toán
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

[Handwritten signature]

Trần Văn Đông
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 6503-2024-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		837.993.257.052	762.852.777.931
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	62.782.260.233	95.718.135.178
Tiền	111		52.782.260.233	95.718.135.178
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	264.000.000.000	184.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	264.000.000.000	184.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		307.535.716.703	271.107.918.227
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	304.155.979.263	273.343.450.072
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.508.518.798	6.105.163.150
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.970.663.620	5.837.611.365
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(13.164.971.536)	(14.206.744.179)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		65.526.558	28.437.819
Hàng tồn kho	140	10	177.614.855.036	182.833.321.034
Hàng tồn kho	141		194.519.450.671	201.533.280.058
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.904.595.635)	(18.699.959.024)
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.060.425.080	29.193.403.492
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.461.078.030	479.087.569
Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.593.023.558	24.521.912.306
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.006.323.492	4.192.403.617
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		582.118.659.990	640.861.408.081
Các khoản phải thu dài hạn	210		121.850.000	98.850.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	121.850.000	98.850.000
Tài sản cố định	220		330.912.713.800	389.138.180.364
Tài sản cố định hữu hình	221	14	330.871.789.068	389.138.180.364
- Nguyên giá	222		1.231.647.721.540	1.226.210.066.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(900.775.932.472)	(837.071.885.813)
Tài sản cố định vô hình	227	13	40.924.732	-
- Nguyên giá	228		791.974.227	747.974.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(751.049.495)	(747.974.227)
Tài sản dở dang dài hạn	240		936.881.705	90.435.455
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	936.881.705	90.435.455
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	226.832.401.636	227.238.577.189
Đầu tư vào công ty con	251	5.2	21.555.000.000	21.555.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5.2	188.505.124.799	188.505.124.799
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2	65.447.060.000	65.447.060.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(48.674.783.163)	(48.268.607.610)
Tài sản dài hạn khác	260		23.314.812.849	24.295.365.073
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	23.314.812.849	24.295.365.073
TỔNG TÀI SẢN	270		1.420.111.917.042	1.403.714.186.012

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		451.986.023.965	487.059.798.840
Nợ ngắn hạn	310		406.698.979.969	436.997.597.810
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	75.096.620.918	85.135.054.617
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.032.338.431	2.315.617.463
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	32.344.495.328	40.690.112.939
Phải trả người lao động	314		46.873.519.831	49.564.389.196
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	14.430.761.980	18.300.278.405
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.816.236.536	3.040.779.208
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	128.948.653.902	150.142.411.969
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		103.156.353.043	87.808.954.013
Nợ dài hạn	330		45.287.043.996	50.062.201.030
Phải trả dài hạn khác	337	20	1.098.093.000	1.103.093.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	6.965.325.039	13.930.650.079
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		37.223.625.957	35.028.457.951
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	968.125.893.077	916.654.387.172
Vốn chủ sở hữu	410		968.125.893.077	916.654.387.172
Vốn góp của chủ sở hữu	411		845.250.000.000	845.250.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		122.875.893.077	71.404.387.172
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.420.111.917.042	1.403.714.186.012

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phạm Thị Thùy Duyên

Phụ trách kế toán

Nguyễn Lê Quốc Dzính

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Ngọc Minh Thy

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.464.779.349.326	1.490.107.331.834
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	4.340.285.680	2.695.655.439
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.460.439.063.646	1.487.411.676.395
Giá vốn hàng bán	11	24	1.176.287.935.925	1.213.811.243.307
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		284.151.127.721	273.600.433.088
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	51.959.335.931	43.887.060.954
Chi phí tài chính	22	26	9.175.496.728	5.784.382.998
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.171.935.205	4.518.561.130
Chi phí bán hàng	25	27	73.057.047.133	68.361.032.848
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	114.966.869.553	103.963.105.845
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		138.911.050.238	139.378.972.351
Thu nhập khác	31	28	18.539.099.549	19.095.219.199
Chi phí khác	32	29	5.093.502.651	11.161.979.297
Lợi nhuận khác	40		13.445.596.898	7.933.239.902
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		152.356.647.136	147.312.212.253
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	23.677.882.373	23.922.808.856
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		128.678.764.763	123.389.403.397

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phạm Thị Thùy Duyên

Phụ trách kế toán

Nguyễn Lê Quốc Dzinh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Minh Thy

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	152.356.647.136	147.312.212.253
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	63.707.121.927	66.443.806.625
Các khoản dự phòng	03	(2.430.960.479)	9.336.076.213
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.188.705)	(129.748.798)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(51.108.695.452)	(43.358.271.010)
Chi phí lãi vay	06	7.171.935.205	4.518.561.130
Các điều chỉnh khác	07	2.195.168.006	(36.340.030.681)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	171.889.027.638	147.782.605.732
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(29.298.549.192)	(24.710.038.558)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.013.829.387	55.049.377.751
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.766.514.701)	(264.317.067.895)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.438.237)	2.374.578.751
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.208.497.901)	(4.688.058.318)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.394.328.856)	(22.917.827.221)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(35.636.100.970)	(50.961.865.815)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.597.427.168	(162.388.295.573)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.083.681.822)	(3.975.211.294)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(393.000.000.000)	(191.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	313.000.000.000	267.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49.110.928.331	43.791.583.339
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.972.753.491)	115.816.372.045

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	274.868.026.068	286.030.038.531
Tiền trả nợ gốc vay	34	(303.027.109.175)	(198.141.937.188)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.403.724.868)	(34.546.885.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.562.807.975)	53.341.215.926
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(32.938.134.298)	6.769.292.398
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	95.718.135.178	88.922.417.086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.259.353	26.425.694
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	62.782.260.233	95.718.135.178

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phạm Thị Thùy Duyên

Phụ trách kế toán

Nguyễn Lê Quốc Dzĩnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Minh Thy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập và hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 30/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301441600 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 09 năm 2025.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 845.250.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 159 Kinh Dương Vương, phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 972 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 969 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty:

Sản xuất các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hóa tổng hợp...

Các ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy, và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hóa tổng hợp;
- Sản xuất mực in;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, sân bãi, đường nội bộ;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị máy móc các ngành: công nghiệp, giấy, in và bao bì, văn hóa phẩm, đào tạo nghiên cứu khoa học, dịch vụ công nghệ thông tin;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Cho thuê nhà, xưởng, kho bãi, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác;
- Dạy nghề: Đào tạo giáo dục đến trình độ trung cấp các nghề: kỹ thuật in ống đồng, in Flexso, in Offset (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hoá tổng hợp.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong vòng 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 2 trung tâm và 3 xí nghiệp là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Trung tâm kinh doanh An Thịnh
- Trung tâm Tân Đức
- Xí nghiệp Bao bì An Khang
- Xí nghiệp In Bao Bì Giấy Liksin
- Xí nghiệp Bao Bì Liksin

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có đầu tư vào 1 công ty con, 11 công ty liên doanh liên kết và 9 khoản đầu tư vào đơn vị khác chi tiết tại thuyết minh số 5.2 “Đầu tư tài chính dài hạn”.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính.

3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

3.6. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Các tài sản khác	Tối đa 20 năm

3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: khoản phải trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

3.10. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ, gồm: chi phí lãi vay ngân hàng.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm.

3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo Thông tư 36/2021/tt-BTC ngày 10/07/2021, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 và Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thực hiện về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

- Quỹ khen thưởng phúc, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính.

3.14. DOANH THU

Doanh thu bán hàng, bán thành phẩm

Doanh thu bán hàng, bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14. DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,.... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	2.073.776.612	1.605.365.244
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.708.483.621	94.112.769.934
- Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
Cộng	62.782.260.233	95.718.135.178

5.1 ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	264.000.000.000	264.000.000.000	184.000.000.000	184.000.000.000
Cộng	264.000.000.000	264.000.000.000	184.000.000.000	184.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng hưởng mức lãi suất từ 4,4% - 5,5%/năm.

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	21.555.000.000	-	21.555.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bao bì Liksin Phương Bắc	21.555.000.000	-	21.555.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	188.505.124.799	(10.775.573.163)	188.505.124.799	(10.369.397.610)
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt (*)	39.800.000.000	-	39.800.000.000	-
- Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt (*)	78.085.000.000	-	78.085.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân (*)	6.656.950.000	-	6.656.950.000	-
- Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết (*)	24.150.000.000	-	24.150.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ (*)	2.648.000.000	(2.648.000.000)	2.648.000.000	(2.648.000.000)
- Công ty Cổ phần Phát Tài (*)	6.797.058.884	-	6.797.058.884	-
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc (*)	12.949.782.500	-	12.949.782.500	-
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú (*)	7.659.847.283	(6.903.573.163)	7.659.847.283	(6.497.397.610)
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận (*)	4.321.350.040	-	4.321.350.040	-
- Công ty Cổ phần In và Phát hành sách Lâm Đồng (*)	4.213.136.092	-	4.213.136.092	-
- Công ty Cổ phần Máy An Phát (*)	1.224.000.000	(1.224.000.000)	1.224.000.000	(1.224.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	65.447.060.000	(37.899.210.000)	65.447.060.000	(37.899.210.000)
- Ngân hàng TMCP Đông Á (2)	5.526.640.000	(3.980.370.000)	5.526.640.000	(3.980.370.000)
+ Đầu tư từ Nguồn vốn kinh doanh	3.980.370.000	(3.980.370.000)	3.980.370.000	(3.980.370.000)
+ Đầu tư từ Nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.546.270.000	-	1.546.270.000	-
- Công ty Cổ phần Mực in & Hóa chất Sài Gòn (*)	798.840.000	(618.840.000)	798.840.000	(618.840.000)
+ Đầu tư từ Nguồn vốn kinh doanh	618.840.000	(618.840.000)	618.840.000	(618.840.000)
+ Đầu tư từ Nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi	180.000.000	-	180.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huê (*)	2.100.000.000	(2.100.000.000)	2.100.000.000	(2.100.000.000)
- Công ty Cổ phần Nhựa 04 (*)	1.976.280.000	-	1.976.280.000	-
- Công ty Cổ phần In Tiền Giang (*)	525.000.000	-	525.000.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (*)	5.867.480.000	-	5.867.480.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam (*)	15.352.820.000	-	15.352.820.000	-
- Công ty Cổ phần Mai Lan (*)	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu tự dính Việt Nam (2)	31.200.000.000	(31.200.000.000)	31.200.000.000	(31.200.000.000)
Cộng	275.507.184.799	(48.674.783.163)	275.507.184.799	(48.268.607.610)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2025 của các đơn vị này. Do đó, Tổng Công ty đang xem xét dự phòng tổn thất đầu tư tài chính trên cơ sở Báo cáo tài chính gần nhất.

(1) Ngân hàng TMCP Đông Á đã được chuyển giao bắt buộc cho Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM từ ngày 17/01/2025 Tổng Công ty Liksin đã có CV 46/Liksin-KT ngày 05/03/2025 báo cáo UBNDTP về tình hình vốn đầu tư của Liksin tại NH Đông Á sau chuyển giao bắt buộc, hiện Tổng Công ty Liksin đang đợi ý kiến chỉ đạo từ cấp trên để thực hiện theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

(2) Tòa án Tỉnh Bình Thuận đã mở thủ tục phá sản từ năm 2018.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
I. CÔNG TY CON				
Công ty Cổ phần Bao bì Liksin Phương Bắc	Tỉnh Bắc Ninh	50,00%	50,00%	- Sản xuất bao bì
II. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT				
Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	42,80%	42,80%	- Sản xuất thùng carton
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	- Kinh doanh sân golf
Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	Thành phố Hồ Chí Minh	28,85%	28,85%	- Sản xuất giấy
Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	Thành phố Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%	- Sản xuất các loại sản phẩm từ nhựa plastic
Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ	Thành phố Hồ Chí Minh	48,15%	48,15%	Sản xuất chai nhựa, nắp nút, đồ nhựa.
Công ty Cổ phần Phát Tài	Thành phố Hồ Chí Minh	37,50%	37,50%	- In hóa đơn, in vé số
Công ty Cổ phần In Nhãn hàng An Lạc	Tỉnh Tây Ninh	37,40%	37,40%	- In nhãn các sản phẩm
Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	Tỉnh Tây Ninh	23,27%	23,27%	- In ấn các loại ấn phẩm sách báo
Công ty Cổ phần Bao bì Bình Thuận	Tỉnh Lâm Đồng	25,00%	25,00%	- In ấn sản xuất bao bì
Công ty Cổ phần In & Phát hành sách Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	36,00%	36,00%	- Kinh doanh các loại sách, văn hóa
Công ty Cổ phần Máy An Phát	Tỉnh Tây Ninh	36,07%	36,07%	- Chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành in và bao bì

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
III. ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC				
Ngân hàng TMCP Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh	0,11%	0,11%	- Ngân hàng
Công ty Cổ phần Mực in & Hóa chất Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	12,40%	12,40%	- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tường, sản xuất mực in và ma tít
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huê	Thành phố Hồ Chí Minh	10,77%	10,77%	- Sản xuất và in các loại giấy
Công ty Cổ phần Nhựa 04	Thành phố Hồ Chí Minh	9,49%	9,49%	- Sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo
Công ty Cổ phần In Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	6,25%	6,25%	- In ấn và kinh doanh sách
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	12,32%	12,32%	- Sản xuất ngành in, bao bì giấy
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	15,05%	15,05%	- Sản xuất kinh doanh các loại sách báo tạp chí văn hóa phẩm
Công ty Cổ phần Mai Lan	Thành phố Hồ Chí Minh	4,17%	4,17%	- Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Vật liệu tự dính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,68%	12,68%	- Sản xuất các loại mực in offset

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	8.508.518.798	(312.250.125)	6.105.163.150	(312.250.125)
- Dow Chemical pacific (Singapore) Pte., Ltd	289.835.125	(289.835.125)	289.835.125	(289.835.125)
- Jiangsu Shuangxing Color Plastic New Materials Co., Ltd	3.259.125.884	-	-	-
- Itochu Plastics Pte., Ltd	1.279.693.800	-	-	-
- Các đối tượng khác	3.679.863.989	(22.415.000)	5.815.328.025	(22.415.000)
Cộng	8.508.518.798	(312.250.125)	6.105.163.150	(312.250.125)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	304.155.979.263	(12.852.721.411)	273.343.450.072	(13.894.494.054)
- Công ty Cổ Phần In - Bao Bì An Phú	8.842.353.754	(7.496.769.570)	9.852.166.558	(8.731.325.138)
- Công ty Cổ phần Phát Tài	702.124.160	-	796.819.394	-
- Công ty Cổ Phần Bao Bì Lixsin Phương Bắc	858.278.271	-	2.439.445.244	-
- Công ty Cổ Phần Bao Bì Đông Nam Việt	125.673.203	-	243.301.709	-
- Công ty Cổ Phần In Và Bao Bì Bình Thuận	44.465.328	-	50.003.676	-
- Công ty Cổ Phần In Và Phát Hành Sách Lâm Đồng	71.820.000	-	53.613.790	-
- Công ty Cổ phần in Nhãn hàng An Lạc	545.505.001	-	772.486.093	-
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	(1.029.545.550)	1.029.545.550	(1.029.545.550)
- Công ty TNHH Procter & Gamble Đông Dương	62.380.170.420	-	58.816.898.947	-
- Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam	42.994.577.750	-	35.137.299.800	-
- Các khách hàng khác	186.561.465.826	(4.326.406.291)	164.151.869.311	(4.133.623.366)
Cộng	304.155.979.263	(12.852.721.411)	273.343.450.072	(13.894.494.054)
Phải thu khách hàng là các bên liên quan:	12.219.765.267	(8.526.315.120)	15.237.382.014	(8.643.119.899)

(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	7.970.663.620	-	5.837.611.365	-
- Phải thu về cổ phần hóa	1.378.646.190	-	1.378.646.190	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	5.491.399.998	-	2.498.632.877	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	696.000	-	3.360.865	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	129.360.000	-	1.124.360.000	-
- Tạm ứng	520.377.174	-	496.175.006	-
- Ký quỹ, ký cược	80.000.000	-	5.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	370.184.258	-	331.436.427	-
Dài hạn	121.850.000	-	98.850.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	121.850.000	-	98.850.000	-
Cộng	8.092.513.620	-	5.936.461.365	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan:	129.360.000	-	1.124.360.000	-
<i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

9. NỢ KHÓ ĐÒI

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
+ Phải thu khách hàng	15.023.058.128	2.170.336.717	(12.852.721.411)	16.360.402.906	2.465.908.852	(13.894.494.054)
- Công ty Cổ phần In - Bao Bì An Phú	8.842.353.754	1.345.584.184	(7.496.769.570)		1.120.841.420	
				9.852.166.558		(8.731.325.138)
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	-	(1.029.545.550)	1.029.545.550	-	(1.029.545.550)
- Các đối tượng khác	5.151.158.824	824.752.533	(4.326.406.291)	5.478.690.798	1.345.067.432	(4.133.623.366)
+ Trả trước cho người bán	312.250.125	-	(312.250.125)	312.250.125	-	(312.250.125)
- Công ty TNHH Đầu tư Lava	22.415.000	-	(22.415.000)	22.415.000	-	(22.415.000)
- Dow Chemical Pacific (Singapore) Pte Ltd	289.835.125	-	(289.835.125)	289.835.125	-	(289.835.125)
Tổng cộng	15.335.308.253	2.170.336.717	(13.164.971.536)	16.672.653.031	2.465.908.852	(14.206.744.179)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng đang đi trên đường	3.506.303.497	-	1.484.730.193	-
- Nguyên liệu, vật liệu	102.108.382.770	(5.671.887.607)	91.473.875.804	(8.560.485.705)
- Công cụ, dụng cụ	7.423.121.017	-	6.566.416.218	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.181.282.434	-	6.549.422.730	-
- Thành phẩm	35.371.960.277	(10.597.063.378)	36.619.088.312	(9.542.894.764)
- Hàng hóa	36.928.400.676	(635.644.650)	58.839.746.801	(596.578.555)
Cộng	194.519.450.671	(16.904.595.635)	201.533.280.058	(18.699.959.024)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Ngắn hạn	1.461.078.030	479.087.569
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	997.356.561	-
- Chi phí bảo hiểm	320.156.427	449.349.252
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	143.565.042	29.738.317
Dài hạn	23.314.812.849	24.295.365.073
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	828.909.599	1.068.246.525
- Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp	21.952.891.887	22.697.639.223
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	533.011.363	529.479.325
Cộng	24.775.890.879	24.774.452.642

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	936.881.705	90.435.455
- Gói thầu "Dự án ERP"	936.881.705	90.435.455
Cộng	936.881.705	90.435.455

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	747.974.227	747.974.227
- Mua trong năm	44.000.000	44.000.000
31/12/2025	791.974.227	791.974.227
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	(747.974.227)	(747.974.227)
- Khấu hao trong năm	(3.075.268)	(3.075.268)
31/12/2025	(751.049.495)	(751.049.495)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	-	-
31/12/2025	40.924.732	40.924.732

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 747.974.227 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 747.974.227 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	285.740.842.406	847.218.776.310	72.937.295.548	20.313.151.913	1.226.210.066.177
- Mua trong năm	87.190.000	1.890.473.519	1.472.370.370	1.987.621.474	5.437.655.363
- Phân loại lại	78.570.800	-	(78.720.800)	150.000	-
31/12/2025	285.906.603.206	849.109.249.829	74.330.945.118	22.300.923.387	1.231.647.721.540
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(150.599.572.924)	(615.401.339.380)	(56.017.428.192)	(15.053.545.317)	(837.071.885.813)
- Khấu hao trong năm	(12.814.870.816)	(45.442.958.002)	(3.425.829.349)	(2.020.388.492)	(63.704.046.659)
- Phân loại lại	(8.118.987)	137.249.025	8.118.987	(137.249.025)	-
31/12/2025	(163.422.562.727)	(660.707.048.357)	(59.435.138.554)	(17.211.182.834)	(900.775.932.472)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	135.141.269.482	231.817.436.930	16.919.867.356	5.259.606.596	389.138.180.364
31/12/2025	122.484.040.479	188.402.201.472	14.895.806.564	5.089.740.553	330.871.789.068

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 438.867.132.839 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 334.868.741.163 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	248.761.532	248.761.532	52.258.063	52.258.063
- Công ty Cổ phần In Nhãn hàng An Lạc	-	-	56.543.616	56.543.616
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	4.785.000	4.785.000	4.785.000	4.785.000
- Công ty Cổ phần Phát Tài	102.912.759	102.912.759	345.907.832	345.907.832
- Công ty TNHH Sakata INX - Việt Nam	7.981.867.337	7.981.867.337	6.590.697.910	6.590.697.910
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Liên Minh	3.241.987.956	3.241.987.956	8.131.177.764	8.131.177.764
- Các nhà cung cấp khác	63.516.306.334	63.516.306.334	69.953.684.432	69.953.684.432
Cộng	75.096.620.918	75.096.620.918	85.135.054.617	85.135.054.617
Phải trả người bán là các bên liên quan:	361.319.291	361.319.291	1.175.261.038	1.175.261.038

Phải trả người bán là các bên liên quan:
(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị VND	Giá trị VND
Ngắn hạn	2.032.338.431	2.315.617.463
- H & T Seafood Inc	221.246.352	221.246.352
- Sea Delight, Llc	354.328.580	414.808.580
- Seafood Connection B.V	251.745.872	237.329.210
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Khương	-	502.975.376
- Công ty Cổ phần Bakes	479.315.232	-
- Các đối tượng khác	725.702.395	939.257.945
Cộng	2.032.338.431	2.315.617.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	226.990.059	7.972.479.516	6.368.989.421	-	1.830.480.154
- Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	-	31.501.859.806	31.501.859.806	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	180.651	-	1.951.254.800	1.977.728.613	26.654.464	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.394.328.855	24.191.482.374	25.394.328.856	-	9.191.482.373
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.230.957.007	6.729.250.173	6.354.536.720	-	2.605.670.460
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.206.053.938	-	4.305.273.428	2.072.761.757	-	26.457.733
- Các khoản thuế khác	-	-	79.597.570	79.597.570	-	-
- Các khoản phải nộp khác	1.986.169.028	27.837.837.018	30.793.785.729	39.934.718.139	1.979.669.028	18.690.404.608
+ Thuế chuyển nhượng nhà 60 Võ Thị Sáu, Vũng Tàu nộp thừa	1.979.669.028	-	-	-	1.979.669.028	-
+ Lợi nhuận sau thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	22.403.724.869	26.223.758.858	35.403.724.868	-	13.223.758.859
+ Khác	6.500.000	5.434.112.149	4.570.026.871	4.530.993.271	-	5.466.645.749
Cộng	4.192.403.617	40.690.112.939	107.524.983.396	113.684.520.882	2.006.323.492	32.344.495.328

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	150.142.411.969	150.142.411.969	281.833.351.108	303.027.109.175	128.948.653.902	128.948.653.902
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>133.591.684.872</i>	<i>133.591.684.872</i>	<i>274.868.026.068</i>	<i>286.476.382.078</i>	<i>121.983.328.862</i>	<i>121.983.328.862</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	80.886.511.366	80.886.511.366	219.357.649.509	204.884.100.622	95.360.060.253	95.360.060.253
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	52.705.173.506	52.705.173.506	55.510.376.559	81.592.281.456	26.623.268.609	26.623.268.609
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>16.550.727.097</i>	<i>16.550.727.097</i>	<i>6.965.325.040</i>	<i>16.550.727.097</i>	<i>6.965.325.040</i>	<i>6.965.325.040</i>
Ngân hàng TNHH CTBC - CN Thành phố Hồ Chí Minh (3)	16.550.727.097	16.550.727.097	6.965.325.040	16.550.727.097	6.965.325.040	6.965.325.040
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.930.650.079	13.930.650.079	-	6.965.325.040	6.965.325.039	6.965.325.039
<i>Vay dài hạn</i>	<i>13.930.650.079</i>	<i>13.930.650.079</i>	<i>-</i>	<i>6.965.325.040</i>	<i>6.965.325.039</i>	<i>6.965.325.039</i>
Ngân hàng TNHH CTBC - CN Thành phố Hồ Chí Minh (3)	13.930.650.079	13.930.650.079	-	6.965.325.040	6.965.325.039	6.965.325.039
	164.073.062.048	164.073.062.048	281.833.351.108	309.992.434.215	135.913.978.941	135.913.978.941

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 6 Thành Phố Hồ Chí Minh số 25.33520.0199/2025-HDCVHM/NHCT922-LIKSIN ngày 11/07/2025 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất bao bì;
- Thời hạn vay: Theo từng khế ước nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Không có tài sản đảm bảo;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025: 95.360.060.253 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh số 84/3742/25-DN2/N-CTD ngày 08/10/2025 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng khác;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Thế chấp tài sản là Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Khách hàng theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 26/3742/25-DN2/TC ký ngày 21/04/2025 và thế chấp tài sản là Quyền đòi nợ/ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Khách hàng theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 51/3742/25-DN2/TC ký ngày 23/07/2025;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025: 26.623.268.609 đồng.

(3) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh số ST1968/MT1969-21 ngày 31/05/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 2.000.000 USD;
- Mục đích vay: Tài trợ mua sắm máy móc thiết bị;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị mua bằng vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025: 6.965.325.039 đồng.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn.....	14.430.761.980	18.300.278.405
- Chi phí hoa hồng môi giới	11.944.311.088	10.270.849.459
- Chi phí lãi vay	170.596.990	223.757.842
- Các chi phí phải trả khác	2.315.853.902	7.805.671.104
Cộng	14.430.761.980	18.300.278.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	3.816.236.536	3.040.779.208
- Tài sản thừa chờ giải quyết	60.022.695	44.332.018
- Nhận ký quỹ, ký cược	1.166.754.053	922.752.381
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.589.459.788	2.073.694.809
+ <i>Quỹ thù lao của người đại diện vốn</i>	<i>1.069.304.179</i>	<i>1.068.491.339</i>
+ <i>Quỹ phát triển KHCN chưa sử dụng hết 70% sau 05 năm</i>	<i>1.231.400.000</i>	<i>589.400.000</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>288.755.609</i>	<i>415.803.470</i>
Dài hạn	1.098.093.000	1.103.093.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	1.098.093.000	1.103.093.000
Cộng	4.914.329.536	4.143.872.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	845.250.000.000	353.569.809.275	-	1.198.819.809.275
- Lãi trong năm trước	-	-	123.389.403.397	123.389.403.397
- Phân phối lợi nhuận	-	37.016.821.019	(84.829.166.019)	(47.812.345.000)
- Nộp NSNN khoản LNST năm nay	-	-	(38.560.237.378)	(38.560.237.378)
- Nộp NSNN chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ	-	(319.182.243.122)	-	(319.182.243.122)
31/12/2024	845.250.000.000	71.404.387.172	-	916.654.387.172
01/01/2025	845.250.000.000	71.404.387.172	-	916.654.387.172
- Lãi trong năm nay	-	-	128.678.764.763	128.678.764.763
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	51.471.505.905	(102.455.005.905)	(50.983.500.000)
- Nộp NSNN khoản LNST năm nay	-	-	(26.223.758.858)	(26.223.758.858)
31/12/2025	845.250.000.000	122.875.893.077	-	968.125.893.077

(*) Tổng Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 theo các quy định tại Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước.

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	128.678.764.763
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	51.471.505.905
Trích Quỹ Khen thưởng, Quỹ phúc lợi	50.983.500.000

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
- Vốn Nhà nước	845.250.000.000	100%	845.250.000.000	100%
Cộng	845.250.000.000	100%	845.250.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỐ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	845.250.000.000	845.250.000.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	845.250.000.000	845.250.000.000
+ Vốn góp cuối năm	-	-

21.4 QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	122.875.893.077	71.404.387.172
Cộng	122.875.893.077	71.404.387.172

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu	1.464.779.349.326	1.490.107.331.834
- Doanh thu bán hàng hóa	219.292.681.862	234.423.761.207
- Doanh thu bán thành phẩm	1.239.219.023.587	1.249.527.230.436
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.267.643.877	6.156.340.191
Cộng	1.464.779.349.326	1.490.107.331.834
Doanh thu với các bên liên quan: (Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)	23.462.575.574	6.145.464.821

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chiết khấu thương mại	281.527.081	617.429.385
- Giảm giá hàng bán	851.852	-
- Hàng bán bị trả lại	4.057.906.747	2.078.226.054
Cộng	4.340.285.680	2.695.655.439

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.176.287.935.925	1.213.811.243.307
Cộng	1.176.287.935.925	1.213.811.243.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.676.441.391	8.671.028.131
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.432.254.061	34.687.242.879
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	750.526.164	425.466.840
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	2.188.705	103.323.104
- Lãi bán hàng trả chậm	97.925.610	-
Cộng	51.959.335.931	43.887.060.954

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	7.171.935.205	4.518.561.130
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.597.385.970	635.671.472
- (Hoàn nhập)/Dự phòng tổn thất đầu tư	406.175.553	630.150.396
Cộng	9.175.496.728	5.784.382.998

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	114.966.869.553	103.963.105.845
- Chi phí nhân viên	74.414.137.624	62.414.784.682
- Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3.661.528.202	3.588.688.813
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.214.462.091	1.534.387.752
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.861.878.305	2.040.509.791
- Thuế, phí, lệ phí	6.515.548.188	5.064.379.608
- (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(1.002.706.548)	(772.966.145)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.800.559.372	3.954.181.670
- Chi phí bằng tiền khác	25.501.462.319	26.139.139.674
Các khoản chi phí bán hàng	73.057.047.133	68.361.032.848
- Chi phí nhân viên	18.568.269.347	18.166.247.166
- Chi phí vật liệu, bao bì	13.166.289.948	13.190.282.184
- Chi phí khấu hao TSCĐ	134.856.516	134.856.516
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.480.489.736	15.872.244.096
- Chi phí bằng tiền khác	22.707.141.586	20.997.402.886
Cộng	188.023.916.686	172.324.138.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi bán phế liệu	15.938.970.607	15.580.925.784
- Thu nhập từ hàng kiểm kê thừa	4.110.469	860.348.041
- Thu từ bồi thường	1.421.268.945	542.241.827
- Các khoản khác	1.174.749.528	2.111.703.547
Cộng	18.539.099.549	19.095.219.199

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Các khoản chậm nộp	4.542.957.160	10.623.978.882
- Các khoản chi phí khác	550.545.491	538.000.415
Cộng	5.093.502.651	11.161.979.297

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	746.478.783.162	753.387.316.928
Chi phí nhân công	238.751.631.825	230.395.733.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.707.121.927	66.443.806.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.096.793.568	40.519.094.902
Chi phí khác bằng tiền	81.739.697.232	73.670.168.344
Cộng	1.170.774.027.714	1.164.416.120.107

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	152.356.647.136	147.312.212.253
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	5.465.018.792	6.989.074.906
- Các khoản chi phí không được trừ	5.465.018.792	6.989.074.906
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	39.432.254.061	34.687.242.879
- Cổ tức lợi nhuận được chia	39.432.254.061	34.687.242.879
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	118.389.411.867	119.614.044.280
Thu nhập tính thuế TNDN	118.389.411.867	119.614.044.280
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.677.882.373	23.922.808.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2025, Tổng Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bao Bì Lixsin Phương Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát Tài	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In - Bao bì Bình Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy An Phát	Công ty liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	Tổng công ty là cổ đông lớn

a) Giao dịch bên liên quan

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Bao Bì Lixsin Phương Bắc	9.143.351.523	211.773.280
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	4.690.406.274	4.144.043.235
- Công ty Cổ phần In Bao bì An Phú	2.119.539.577	1.789.648.306
- Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	1.464.255.550	-
- Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Thuận	624.100.650	-
- Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	252.611.200	-
- Công ty Cổ phần Phát Tài	5.168.310.800	-
Cộng	23.462.575.574	6.145.464.821
	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
- Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	1.700.356.983	3.314.535.042
- Công ty Cổ phần In Bao bì An Phú	1.344.203.877	66.216.065
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	180.396.000	22.355.200
- Công ty Cổ phần Phát Tài	1.653.622.815	1.210.418.887
Cộng	4.878.579.675	4.613.525.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

a) Giao dịch bên liên quan (tiếp)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức được chia		
- Công ty Cổ phần Bao Bì Liksin Phương Bắc	5.175.000.000	3.105.000.000
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	1.592.000.000	1.990.000.000
- Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	128.076.000	320.190.000
- Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	1.165.617.000	2.328.025.500
- Công ty Cổ phần Phát Tài	1.427.505.887	1.359.412.000
- Công ty Cổ phần In Tiền Giang	50.000.000	50.000.000
- Công ty Cổ phần Nhựa 04	1.976.280.000	237.153.600
- Công ty Cổ phần Mai Lan	129.360.000	129.360.000
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình	456.126.600	760.211.000
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	5.447.707.180	4.375.207.285
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	2.567.838.000	2.567.838.000
- Công ty Cổ phần Liên doanh Hoa Việt	18.486.067.394	16.634.169.494
- Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	830.676.000	830.676.000
Cộng	39.432.254.061	34.687.242.879

b) Số dư bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	125.673.203	243.301.709
- Công ty Cổ phần Phát Tài	702.124.160	796.819.394
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	545.505.001	772.486.093
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	8.842.353.754	9.852.166.558
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	44.465.328	50.003.676
- Công ty Cổ phần In & phát hành sách Lâm Đồng	71.820.000	53.613.790
- Công ty Cổ phần Bao Bì Liksin Phương Bắc	858.278.271	2.439.445.244
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	1.029.545.550
Cộng	12.219.765.267	15.237.382.014

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả người bán		
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	248.761.532	768.024.590
- Công ty Cổ phần Phát Tài	102.912.759	345.907.832
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	4.860.000	-
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	-	56.543.616
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	4.785.000	4.785.000
Cộng	361.319.291	1.175.261.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

b) Số dư bên liên quan (Tiếp)

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Mai Lan	129.360.000	129.360.000
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	-	995.000.000
Cộng	<u>129.360.000</u>	<u>1.124.360.000</u>

c) Thu nhập của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng thành viên, kiểm soát viên	3.603.456.000	1.335.169.600 ⁰⁶²
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	3.363.840.000	862.322.880
Cộng	<u>6.967.296.000</u>	<u>2.197.492.480</u>

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH MTV đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Thùy Duyên

Nguyễn Lê Quốc Dzính

Nguyễn Ngọc Minh Thy